

Số: /QĐ-SNN-VP

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 5 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 CỦA VĂN PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Căn cứ Quyết định số 1599/QĐ.UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Sở, Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu :VT, HH.

**GIÁM ĐỐC**

Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT  
 Chương: 412

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN-VP ngày / /2019  
 của Sở Nông nghiệp và PTNT )

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
	Lệ phí	
	Phí	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>
	Chi sự nghiệp	
	Chi quản lý hành chính	
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>0</b>
	Lệ phí	
	Phí	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>43.913</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>41.830</b>
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.474
	- Quỹ lương (mức lương cơ sở 1.210.000đồng)	7.859
	- Bổ sung lương (lương cơ sở 1.210.000đồng lên 1.390.000đồng)	265
	- Kinh phí hoạt động	5.350
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	535
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	28.356
	- Kinh phí BCH PCTT	918
	- Kinh phí mua sắm đồng phục, trang phục, cờ hiệu, phù hiệu	117
	- Kinh phí thuê kho bãi neo đậu tàu kiểm ngư	80
	- Kinh phí bảo hiểm thân tàu, ca nô, thuyền viên	244
	- Kinh phí nhiên liệu tàu kiểm ngư	7.955
	- Kinh phí đảm bảo hoạt động công tác thu xử phạt vi phạm hành chính	2.569
	- Kinh phí sửa chữa định kỳ tàu kiểm ngư và ca nô	800
	- Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Chi cục Thủy sản	4.000
	- Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Chi cục Thủy lợi và Thanh tra Sở	1.500
	- Kinh phí sửa chữa 04 trạm dịch vụ nông nghiệp	10.000
	- Kinh phí hoạt động công tác Đảng	173
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học (công nghệ thông tin)</b>	<b>294</b>
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (CNTT)	294
	- Kinh phí mua máy vi tính để bàn thương hiệu Việt	210

	- Kinh phí mua máy in A4	21
	- Chi thù lao, nhuận bút cho trang thông tin điện tử Sở	28
	- Kinh phí chuyển đổi, xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015	35
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>678</b>
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	678
<b>4</b>	<b>Chi thi đua khen thưởng</b>	<b>46</b>
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	46
<b>5</b>	<b>Chi Chương trình Đề án tỉnh</b>	<b>1.065</b>
	- Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	1.065